

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH BẮC KẠN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 05/2019/HS-ST

Ngày 29/3/2019

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH BẮC KẠN

Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Khánh Phương.

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Hoàng Minh Hải;
2. Bà Doãn Thị Hương.

Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Hào - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Bắc Kạn.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bắc Kạn tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Cao Thắng và ông Mai Duy Định - Kiểm sát viên.

Ngày 29/3/2019, tại Trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Bắc Kạn xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 03/2018/TLST-HS ngày 20/12/2018 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 04/2019/QĐXXST-HS ngày 15/02/2019 đối với các bị cáo:

1. **Nguyễn Thị Thanh V**, sinh ngày 05/8/1977 tại thành phố HP; nơi ĐKNKTT và chỗ ở hiện nay: Khu 2, thị trấn T, huyện TL, thành phố HP; nghề nghiệp: Kinh doanh; trình độ văn hóa: 12/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nữ; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn Đình T và bà Vũ Thị N (Đều đã chết); chồng Trần Thanh T (Đã ly hôn); có 02 con, lớn sinh năm 2000, nhỏ sinh năm 2003; tiền án, tiền sự: Không; bị bắt, tạm giam từ ngày 16/3/2018 đến ngày 10/7/2018 thì được thay T biện pháp ngăn chặn bảo lãnh, bị cáo tại ngoại. Có mặt.

Người đại diện hợp pháp cho bị cáo Nguyễn Thị Thanh V: Ông **Nguyễn Công T** là chú ruột của bị cáo, sinh năm 1974; nơi cư trú: Số nhà 162, Khu 8, thị trấn T, huyện TL, thành phố HP. Có mặt.

2. **Hoàng Thị T1**, sinh ngày 17/5/1983 tại tỉnh Thái Nguyên; nơi ĐKNKTT và chỗ ở hiện nay: Tổ 3, phường Q, thành phố TN, tỉnh Thái Nguyên; nghề nghiệp: Kế toán, kinh doanh; trình độ văn hóa: 12/12; dân tộc: Nùng; giới tính: Nữ; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Hoàng Văn T (Đã chết) và bà Trần Thị Đ; chồng Ngô Mạnh H, có 03 con, lớn sinh năm 2011, nhỏ sinh năm 2016; tiền án, tiền sự: Không; bị cáo tại ngoại. Có mặt.

3. **Ngô Văn T2**, sinh ngày 03/12/1982 tại tỉnh Bắc Ninh; nơi ĐKNKTT và chỗ ở hiện nay: Xóm C, thôn C, xã D, huyện Y, tỉnh Bắc Ninh; nghề nghiệp: Kinh

doanh; trình độ văn hóa: 12/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Ngô Văn B và bà Nguyễn Thị B; vợ Đào Thị M; có 01 con, sinh năm 2018; tiền án, tiền sự: Không; bị cáo tại ngoại. Có mặt.

4. **Đỗ Thị Thanh T3**, sinh ngày 20/4/1982 tại Thái Nguyên; nơi ĐKNKTT và chỗ ở hiện nay: Tổ 13, phường Q, thành phố TN, tỉnh Thái Nguyên; nghề nghiệp: Kế toán, kinh doanh; trình độ văn hóa: 12/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nữ; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Đỗ Đăng K và bà Nguyễn Thị Kim O; chồng Ngô Văn H; có 02 con, lớn sinh năm 2007, nhỏ sinh năm 2013; tiền án, tiền sự: Không; bị cáo tại ngoại. Có mặt.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

1. Cục Thuế tỉnh Bắc Kạn. Vắng mặt;
2. Bà **Nguyễn Thị Ngọc Y**, sinh năm 1990; nơi cư trú: Tổ 17, phường T Long, thành phố Thái Nguyên, tỉnh Thái Nguyên. Có mặt;
3. Bà **Nguyễn Thị N**, sinh năm 1987; nơi cư trú: Xóm M, thôn T, xã P, huyện T, tỉnh Bắc Ninh. Có mặt;
4. Bà **Nguyễn Thị G**, sinh năm 1987; nơi cư trú: Đội 7, xã Đ, huyện T, tỉnh Vĩnh Phúc. Vắng mặt;
5. Bà **Hà Thị L**, sinh năm 1961; nơi cư trú: Tổ K, phường H, thành phố B, tỉnh Bắc Kạn. Vắng mặt;
6. Bà **Phạm Thị C**, sinh năm 1981; nơi cư trú: Khu 2, thị trấn T, huyện TL, thành phố HP. Vắng mặt;
7. Ông **Ngô Hữu P**, sinh năm 1974, Giám đốc Công ty sản xuất giấy và bao bì PD; nơi cư trú: Thôn T, xã P, huyện T, tỉnh Bắc Ninh. Vắng mặt;
8. Bà **Bùi Thị Hồng H**, sinh năm 1975, Giám đốc Công TNHH GL; nơi cư trú: Số 316 Bùi Văn Cao, phường Đ, quận HA, thành phố Hải Phòng. Vắng mặt;
9. Ông **Nguyễn Đình T4**, sinh năm 1983, Phó Trưởng phòng Thanh tra, Cục Thuế tỉnh Bắc Kạn; nơi cư trú: Tổ 5, phường P, thành phố BK, tỉnh Bắc Kạn. Có mặt;
10. Ông **Dương Văn T5**, sinh năm 1964, Trưởng phòng Đăng ký kinh doanh, Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Bắc Kạn; nơi cư trú: Tổ 4, phường Đ, thành phố BK, tỉnh Bắc Kạn. Vắng mặt;
11. Bà **Nguyễn Thị H**, cán bộ phòng Đăng ký kinh doanh, Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Bắc Kạn. Vắng mặt;
12. Bà **Nguyễn Thùy L**, cán bộ Cục Thuế tỉnh Bắc Kạn. Vắng mặt;
13. Bà **Nông Thị Hồng C**, cán bộ Cục Thuế tỉnh Bắc Kạn. Vắng mặt;
14. 81 Công ty, doanh nghiệp đã mua hóa đơn và giao nộp bản gốc liên 2 hóa đơn, gồm:
 - 14.1. Công ty sản xuất giấy và bao bì PD. Địa chỉ: Thôn T, xã P, huyện T, tỉnh Bắc Ninh. Vắng mặt;

14.2. Công ty TNHH HAKB. Địa chỉ: Xã P, huyện T, tỉnh Bắc Ninh. Vắng mặt;

14.3. Công ty TNHH sản xuất và thương mại V. Địa chỉ: Thôn T, xã P, huyện T, tỉnh Bắc Ninh. Vắng mặt;

14.4. Công ty TNHH HPT. Địa chỉ: Nhà xưởng Công ty TNHH B, Lô G11, KCN QV, xã P, huyện Q, tỉnh Bắc Ninh. Vắng mặt;

14.5. Công ty TNHH sản xuất kinh doanh Giấy và bao bì TT. Địa chỉ: Xã P, huyện T, tỉnh Bắc Ninh. Vắng mặt;

14.6. Công ty TNHH sản xuất và thương mại H. Địa chỉ: Khu Đ, phường PK, TP. B, tỉnh Bắc Ninh. Vắng mặt;

14.7. Công ty TNHH THK. Địa chỉ: Phường PK, thành phố B, tỉnh Bắc Ninh. Vắng mặt;

14.8. Công ty TNHH N. Địa chỉ: Số 9, ngõ 3, đường T, phường Đ, TP. BN, tỉnh Bắc Ninh. Vắng mặt;

14.9. Xí nghiệp giấy HV. Địa chỉ: Khu D, phường PK, TP. BN, tỉnh Bắc Ninh. Vắng mặt;

14.10. Công ty TNHH V. Địa chỉ: Thôn T, xã P, huyện T, tỉnh Bắc Ninh. Vắng mặt;

14.11. Xí nghiệp Giấy LV. Địa chỉ: Khu D, phường PK, TP. BN, tỉnh Bắc Ninh. Vắng mặt;

14.12. Công ty TNHH H Việt Nam. Địa chỉ: Thôn T, xã P, huyện T, tỉnh Bắc Ninh. Vắng mặt;

14.13. Công ty TNHH ST. Địa chỉ: Thôn T, xã P, huyện T, tỉnh Bắc Ninh. Vắng mặt;

14.14. Công ty TNHH sản xuất và thương mại giấy TH. Địa chỉ: Phường PK, thành phố BN, tỉnh Bắc Ninh. Vắng mặt;

14.15. Công ty TNHH giấy AĐ. Địa chỉ: Khu Công nghiệp PK, phường PK, thành phố BN, tỉnh Bắc Ninh. Vắng mặt;

14.16. Xí nghiệp giấy T. Địa chỉ: Khu D, phường PK, thành phố BN, tỉnh Bắc Ninh. Vắng mặt;

14.17. Công ty TNHH sản xuất và thương mại A. Địa chỉ: Số 28, đường N, phường T, thành phố BN, tỉnh Bắc Ninh. Vắng mặt;

14.18. Công ty TNHH sản xuất và thương mại HC. Địa chỉ: Số 11, phố TP, phường Đ, thị xã T, tỉnh Bắc Ninh. Vắng mặt;

14.19. Công ty TNHH đầu tư phát triển và thương mại PS. Địa chỉ: Số 38, Trung tâm giao thương quốc tế, thị trấn L, huyện T, tỉnh Bắc Ninh. Vắng mặt;

14.20. Công ty TNHH sản xuất thương mại phát triển 98 BN. Địa chỉ: Khu PS, phường V, TP. BN, tỉnh Bắc Ninh. Vắng mặt;

14.21. Công ty TNHH dịch vụ thương mại xe máy TN. Địa chỉ: Số 28/1 đường D, tổ MB 2, phường Q, thành phố Thái Nguyên. Đại diện theo pháp luật: Ông Dương Biên T, Tổng Giám đốc. Có mặt;

14.22 Công ty cổ phần thủy điện HNC. Địa chỉ: Khu đô thị P, phường DB, thành phố Thái Nguyên. Vắng mặt;

14.23. Công ty cổ phần đầu tư và phát triển công nghiệp TN. Địa chỉ: Tổ 18, phường TĐ, thành phố Thái Nguyên. Vắng mặt;

14.24. Chi nhánh Công ty cổ phần E tại Thái Nguyên. Địa chỉ: Tổ 6, phường PX, thành phố Thái Nguyên. Vắng mặt;

14.25. Công ty cổ phần H. Địa chỉ: Số 36A, tổ 6, phường T, thành phố Thái Nguyên. Vắng mặt;

14.26. Công ty cổ phần xây dựng đô thị và phát triển nhà TN. Địa chỉ: 291A, tổ 4, phường T, thành phố Thái Nguyên. Vắng mặt;

14.27. Công ty TNHH xây dựng và thương mại HH. Địa chỉ: Tổ 3, phường LS, thành phố SC, tỉnh Thái Nguyên. Vắng mặt;

14.28. Công ty Cổ phần tập đoàn B. Địa chỉ: Số 89, tổ 15, phường T, thành phố TN, tỉnh Thái Nguyên. Vắng mặt;

14.29. Công ty cổ phần thương mại đầu tư và phát triển HP. Địa chỉ: Tổ 11, phường T, thành phố Thái Nguyên. Vắng mặt;

14.30. Công ty TNHH HT. Địa chỉ: Khu B, khu công nghiệp SC1, phường BQ, thành phố SC, tỉnh Thái Nguyên. Vắng mặt;

14.31. Doanh nghiệp tư nhân đầu tư sản xuất và thương mại HN. Địa chỉ: Số 151, đường Cách mạng tháng 8, tổ 22, phường TV, TP. Thái Nguyên. Vắng mặt;

14.32. Công ty TNHH thương mại và dịch vụ XH. Địa chỉ: Xóm B1, thị trấn C, huyện DH, tỉnh Thái Nguyên. Vắng mặt;

14.33. Công ty TNHH xây dựng và thương mại VH Thái Nguyên. Địa chỉ: Tổ 17, phường PDP, thành phố Thái Nguyên. Vắng mặt;

14.34. Công ty cổ phần tư vấn đầu tư và xây dựng T. Địa chỉ: Số 5, đường ĐC, thành phố Thái Nguyên. Vắng mặt;

14.35. Công ty TNHH tư vấn và thương mại NX. Địa chỉ: Số 28/1 đường D, tổ MB2, phường QV, thành phố Thái Nguyên. Vắng mặt;

14.36. Công ty TNHH quảng cáo MC. Địa chỉ: Khu đô thị P, phường DB, thành phố Thái Nguyên. Vắng mặt;

14.37. Công ty TNHH tư vấn và xây dựng DH. Địa chỉ: Tổ 18, phường TĐ, thành phố Thái Nguyên. Vắng mặt;

14.38. Doanh nghiệp tư nhân QH Thái Nguyên. Địa chỉ: Tổ 6, phường PX, thành phố Thái Nguyên. Vắng mặt;

14.39. Doanh nghiệp tư nhân vận tải và thương mại HH. Địa chỉ: Số 36A, tổ 6, phường T, thành phố Thái Nguyên. Vắng mặt;

14.40. Trung tâm dịch vụ và cung ứng việc làm. Địa chỉ: 291A, tổ 4, phường T, thành phố Thái Nguyên. Vắng mặt;

14.41. Công ty TNHH TS Thái Nguyên. Địa chỉ: Tổ 3, phường LS, thành phố SC, tỉnh Thái Nguyên. Vắng mặt;

14.42. Công ty TNHH thiết bị phụ tùng H. Địa chỉ: Số 89, tổ 15, phường TL, thành phố TN, tỉnh Thái Nguyên. Vắng mặt;

14.43. Công ty TNHH KP. Địa chỉ: Tổ 11, phường TL, thành phố TN, tỉnh Thái Nguyên. Vắng mặt;

14.44. Công ty TNHH M V. Địa chỉ: Khu B, khu công nghiệp SC1, phường BQ, thành phố SC, tỉnh Thái Nguyên. Vắng mặt;

14.45. Công ty cổ phần đầu tư xây dựng và thiết kế V. Địa chỉ: Số 151, đường C 8, tổ 22, phường TV, thành phố TN, tỉnh Thái Nguyên. Vắng mặt;

14.46. Công ty Cổ phần HD. Địa chỉ: Xóm B1, thị trấn C, huyện DH, tỉnh Thái Nguyên. Vắng mặt;

14.47. Công ty TNHH MTV Q. Địa chỉ: Tổ 17, phường P, thành phố Thái Nguyên. Vắng mặt;

14.48. Sở Tài chính tỉnh Thái Nguyên. Địa chỉ: Số 5, đường Đ, thành phố Thái Nguyên. Vắng mặt;

14.49. Công ty cổ phần dịch vụ thương mại và xây dựng TC. Địa chỉ: Cụm 3, xã LT, huyện ĐP, TP. Hà Nội. Vắng mặt;

14.50. Công ty TNHH chế biến gỗ P. Địa chỉ: Khu dân cư số 1, tổ dân phố TC, phường TC, quận B, TP. Hà Nội.

14.51. Công ty cổ phần dịch vụ thương mại và xây lắp cơ điện HN. Địa chỉ: Tầng 5, số 41, ngõ 82, phố P, phường QT, quận Đ, TP. Hà Nội. Vắng mặt;

14.52. Công ty TNHH dịch vụ thương mại T. Địa chỉ: Thôn T, xã L, huyện ĐP, TP. Hà Nội. Vắng mặt;

14.53. Công ty TNHH DH. Địa chỉ: Thôn T, xã L, huyện ĐP, TP. Hà Nội. Vắng mặt;

14.54. Công ty cổ phần thương mại và xây dựng MN. Địa chỉ: Số 30, xóm ĐK, xã LH, huyện ĐP, TP. Hà Nội. Vắng mặt;

14.55. Công ty cổ phần đầu tư và kinh doanh quốc tế T&T. Địa chỉ: Cụm 3, xã L, huyện ĐP, TP. Hà Nội. Vắng mặt;

14.56. Công ty TNHH Hallim Precision V. Địa chỉ: Số 13, tổ 61, Trung tâm Sở địa chính, phường Y, quận CG, TP. Hà Nội. Vắng mặt;

14.57. Công ty TNHH chế biến lâm sản VL. Địa chỉ: Thôn H, xã L, huyện ĐP, TP. Hà Nội. Vắng mặt;

14.58. Công ty TNHH dịch vụ và thương mại TL. Địa chỉ: Xã L, huyện ĐP, TP. Hà Nội. Vắng mặt;

14.59. Công ty TNHH dịch vụ thương mại NT. Địa chỉ: Thôn H, xã L, huyện ĐP, TP. Hà Nội. Vắng mặt;

14.60. Công ty TNHH xây dựng thương mại và dịch vụ CT. Địa chỉ: Thôn H, xã L, huyện ĐP, TP. Hà Nội. Vắng mặt;

14.61. Doanh nghiệp tư nhân BT. Địa chỉ: Thôn H, xã L, huyện ĐP, TP. Hà Nội. Vắng mặt;

14.62. Doanh nghiệp tư nhân HL. Địa chỉ: Cụm 2, xã L, huyện ĐP, TP. Hà Nội. Vắng mặt;

14.63. Doanh nghiệp tư nhân TT. Địa chỉ: Xóm 1, phường TP, quận HM, TP. Hà Nội. Vắng mặt;

14.64. Doanh nghiệp tư nhân TC. Địa chỉ: Thôn T, xã L, huyện ĐP, TP. Hà Nội. Vắng mặt;

14.65. Công ty cổ phần đầu tư xây dựng F Việt Nam. Địa chỉ: Số 60, ngách 426/6, ngõ 426 đường L, phường LH, quận Đ, TP. Hà Nội. Vắng mặt;

14.66. Công ty TNHH QH. Địa chỉ: Thôn T, xã L, huyện ĐP, TP. Hà Nội. Vắng mặt;

14.67. Công ty TNHH Đầu tư xây dựng và thương mại TL. Địa chỉ: Cụm 3, xã L, huyện ĐP, TP. Hà Nội. Vắng mặt;

14.68. Công ty TNHH MTV công nghiệp sản xuất thương mại NM. Địa chỉ: Số 42, đường V, tổ 18, phường P, quận B, TP. Hà Nội. Vắng mặt;

14.69. Công ty TNHH xây dựng và thương mại P. Địa chỉ: Số 83A, phố L, phường T, quận HK, TP. Hà Nội. Vắng mặt;

14.70. Công ty TNHH xây dựng tổng hợp E Việt Nam. Địa chỉ: Tầng 13, tòa nhà Sudico (HH3), phường M1, quận N, TP. Hà Nội. Vắng mặt;

14.71. Công ty cổ phần xây dựng và thương mại tổng hợp HC. Địa chỉ: Cụm 3, Thôn H, xã L, huyện ĐP, TP. Hà Nội. Vắng mặt;

14.72. Công ty cổ phần xây dựng và thương mại tổng hợp M. Địa chỉ: Thôn H, xã L, huyện ĐP, TP. Hà Nội. Vắng mặt;

14.73. Công ty TNHH GL. Địa chỉ: Số 316, đường V, phường Đ, quận HA, TP. Hải Phòng. Vắng mặt;

14.74. Công ty TNHH thương mại và chế biến lâm sản HD. Địa chỉ: Thôn H, xã Đ, huyện A, TP. Hải Phòng. Vắng mặt;

14.75. Công ty TNHH thương mại và dịch vụ vận tải T Hưng Yên. Địa chỉ: Thôn M, xã T, huyện V, tỉnh Hưng Yên. Vắng mặt;

14.76. Công ty TNHH VĐ. Địa chỉ: Thôn Đ, xã H, huyện C, tỉnh Lạng Sơn. Vắng mặt;

14.77. Công ty cổ phần xây dựng số 6 LS. Địa chỉ: Thôn Đ, xã H, huyện C, tỉnh Lạng Sơn. Vắng mặt;

14.78. Công ty TNHH thương mại Q. Địa chỉ: Xóm 2, thôn T, xã T, huyện TT, tỉnh Thái Bình. Vắng mặt;

14.79. Công ty cổ phần L 18. Địa chỉ: 9-19 Hồ Tùng Mậu, phường N, quận 1, TP. Hồ Chí Minh. Đại diện theo ủy quyền: Ông Nguyễn Phương A, sinh năm 1963, Phó phòng Tài chính Kế toán Công ty. Có mặt;

14.80. Chi nhánh công ty TNHH Đ. Địa chỉ: Tổ L, phường X, TP. BK, tỉnh Bắc Kạn. Đại diện theo pháp luật: Bà Nguyễn Thị Phương L, sinh năm 1986, Giám đốc Công ty. Có mặt;

14.81. Công ty TNHH MTV T. Địa chỉ: Thôn Đ, xã B, huyện PN, tỉnh Bắc Kạn. Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Sau khi Đoàn thanh tra liên ngành tỉnh Bắc Kạn tiến hành thanh tra việc kê khai nộp thuế, hoàn thuế giá trị gia tăng của các doanh nghiệp trên địa bàn tỉnh, đã phát hiện một số doanh nghiệp có dấu hiệu vi phạm pháp luật hình sự. Đoàn thanh tra đã chuyển toàn bộ hồ sơ của các doanh nghiệp này đến Cơ quan An ninh điều tra Công an tỉnh Bắc Kạn để điều tra làm rõ. Kết quả điều tra xác định được như sau:

Trong thời gian từ năm 2013 đến năm 2017, Nguyễn Thị Thanh V, sinh năm 1977, trú tại: Khu 2, thị trấn T, huyện TL, thành phố HP đã thành lập 05 công ty tại địa bàn tỉnh Bắc Kạn, cụ thể: Công ty Lương Phúc, công ty Bình Khánh, công ty TNHH thương mại, dịch vụ Hữu Đô, công ty Loan Hà và công ty Thỏa Giang. Tất cả 05 công ty trên, đều do V trực tiếp giữ con dấu và điều hành mọi hoạt động. V sử dụng 04 công ty để mua bán hóa đơn, còn công ty TNHH thương mại, dịch vụ Hữu Đô tuy được thành lập nhưng không hoạt động. Trước khi bị bắt, V đã mang con dấu và các tài liệu liên quan của 04 công ty nói trên cất giấu tại nhà của người thân tại khu 2, thị trấn T, huyện TL, thành phố HP. Tuy nhiên, hiện nay số tài liệu, đồ vật này đã thất lạc, Cơ quan điều tra đã yêu cầu V tìm kiếm và giao nộp nhưng không tìm thấy.

Trong quá trình điều tra, Nguyễn Thị Thanh V khai: Thủ tục thành lập các công ty và đăng ký kinh doanh được thuận lợi là nhờ có sự giúp đỡ của Nguyễn Thị H, là cán bộ phòng Đăng ký kinh doanh và Dương Văn T5 là Trưởng phòng đăng ký kinh doanh, Sở Kế hoạch đầu tư tỉnh Bắc Kạn. Trong quá trình làm việc V đã đưa cho T5 số tiền 15 triệu đồng. Bên cạnh đó V khai nhận quen biết làm ăn với Nguyễn Đình T4, sinh năm 1983, Phó trưởng phòng Thanh tra Thuế, Cục thuế tỉnh Bắc Kạn và V đã nhiều lần đưa tiền cho T4 để giúp các Công ty do V thành lập và điều hành hoạt động được thuận lợi, không bị thanh tra, kiểm tra hoặc nộp phạt do chậm nộp tờ khai thuế, nộp thuế. Khi xác minh nguồn gốc hàng hóa của Công ty Lương Phúc và Công ty Bình Khánh theo yêu cầu của Chi cục

thuế quận HM, thành phố Hà Nội. Nguyễn Thùy L và Nông Thị Hồng C là cán bộ Cục Thuế tỉnh Bắc Kạn để xảy ra sai phạm khi không kiểm tra, xác định người đến nhận thông báo về giải trình nghĩa vụ kê khai thuế của các công ty trên có phải đại diện của công ty hay không; biên bản được lập với người không phải đại diện của công ty; nội dung giải trình ghi trong biên bản không phải của người nộp thuế, cũng như không phải của cán bộ và lãnh đạo phòng Kiểm tra thuế trực tiếp làm việc và xác nhận.

1. Hành vi bán trái phép hóa đơn của Nguyễn Thị Thanh V:

Sau khi thành lập các công ty, từ tháng 8/2014 đến tháng 01/2018 V thuê Hoàng Thị T1, sinh năm 1983, trú tại: Tổ 3, phường Q, thành phố Thái Nguyên làm kế toán và trả lương 8.000.000đ/tháng. T1 cũng đồng thời là giám đốc Công ty TNHH thương mại và dịch vụ TT (sau đây gọi tắt là công ty TT) có cùng địa chỉ như trên. V nhờ T1 và Nguyễn Thị N, sinh 1987, trú tại: Thôn T, xã P, huyện T, tỉnh Bắc Ninh, là kế toán của Công ty sản xuất giấy và bao bì PD làm các thủ tục đăng ký nộp thuế, đặt in hóa đơn, viết hộ các hóa đơn. V không nói cho N và N cũng không biết những hóa đơn này có hàng hóa kèm theo hay không và không biết V sử dụng để phạm tội. Quá trình điều tra theo số liệu của Cục Thuế tỉnh Bắc Kạn cung cấp thì 04 công ty nói trên đã đặt in và phát hành tổng số 3500 hóa đơn giá trị gia tăng (GTGT) được Cục thuế cho phát hành theo quy định, cụ thể:

- Công ty Lương Phúc: In và phát hành 1500 hóa đơn, đã sử dụng: 1399 hóa đơn, còn 101 hóa đơn hiện bị thất lạc hoặc bị hủy, không tìm được. Cơ quan điều tra đã thu giữ 797 số hóa đơn GTGT liên 2 bản gốc, còn lại 703 số hóa đơn GTGT không thu giữ được;

- Công ty Bình Khánh: In và phát hành 500 hóa đơn, đã sử dụng: 247 hóa đơn, còn 253 hóa đơn hiện bị thất lạc hoặc bị hủy, không tìm được. Cơ quan điều tra đã thu giữ 169 số hóa đơn GTGT liên 2 bản gốc, còn lại 331 số hóa đơn GTGT không thu giữ được;

- Công ty Loan Hà: In và phát hành 1000 hóa đơn, đã sử dụng: 805 hóa đơn, còn 195 hóa đơn hiện bị thất lạc hoặc bị hủy, không tìm được. Cơ quan điều tra đã thu giữ 473 số hóa đơn GTGT liên 2 bản gốc, còn lại 527 số hóa đơn GTGT không thu giữ được;

- Công ty Thỏa Giang: In và phát hành 500 hóa đơn, đã sử dụng: 405 hóa đơn, còn 95 hóa đơn hiện bị thất lạc hoặc bị hủy, không tìm được. Cơ quan điều tra đã thu giữ 161 số hóa đơn GTGT liên 2 bản gốc, còn lại 339 số hóa đơn GTGT không thu giữ được.

Theo số liệu Cục thuế tỉnh Bắc Kạn cung cấp về tình hình sử dụng hóa đơn của các công ty Lương Phúc, Loan Hà, Thỏa Giang và Bình Khánh, trong số 3500 số hóa đơn thông báo phát hành có 2590 hóa đơn đã sử dụng và 266 số hóa đơn xóa bỏ, hỏng, hủy với tổng doanh số là 970.246.115.592 đồng. Tổng số tiền thuế bao gồm: Thuế thu nhập doanh nghiệp; thuế GTGT; lệ phí môn bài; tiền phạt 04 công ty trên đã nộp vào ngân sách Nhà nước là 464.749.185 đồng (*Bốn trăm sáu mươi bốn triệu, bảy trăm bốn mươi chín nghìn, một trăm tám mươi lăm đồng*).

Tổng số hóa đơn GTGT liên 2 bản gốc của 04 công ty Cơ quan điều tra đã thu giữ là 1600 hóa đơn. Do không thu giữ được số hóa đơn GTGT liên 2 bản gốc còn lại, nên xác định 1.600 hóa đơn GTGT liên 2 bản gốc đã thu được là số hóa đơn GTGT Nguyễn Thị Thanh V thực hiện hành vi bán trái phép.

Tổng số tiền ghi trên 1600 hóa đơn chưa có thuế là 889.581.692.633 đồng. Trong đó số tiền hưởng lợi của Nguyễn Thị Thanh V là: 889.581.692.633đ x 0,2% giá trị của hàng hóa, dịch vụ trước thuế = 1.779.163.385 đ; trừ đi số tiền V trả lương cho T 8.000.000đ/ tháng x 42 tháng (từ tháng 8/2014 đến hết tháng 01/2018) = 336.000.000đ; trừ đi số tiền thuế 04 công ty của V đã nộp ngân sách nhà nước là 464.749.185đ, cộng với số tiền 47.555.454đ Hoàng Thị T nộp thuế cho 04 công ty của V. Còn lại 1.025.969.654đ (*Một tỷ không trăm hai mươi lăm triệu, chín trăm sáu mươi chín nghìn, sáu trăm năm mươi bốn đồng*), đây là số tiền thực tế V được hưởng.

Tại các Kết luận giám định: Xác định trên tổng số 1600 hóa đơn gửi giám định có chữ viết, chữ ký của Nguyễn Thị Thanh V; chữ viết của Hoàng Thị T1, Nguyễn Thị N, Nguyễn Thị Ngọc Y và có 09 hóa đơn không xác định được chữ của người viết, Nguyễn Thị Thanh V khai nhận có nhờ một số người quen viết nhưng không nhớ ai đã viết các hóa đơn này.

Qua điều tra xác định 04 Công ty do V điều hành bán hóa đơn cho 83 công ty, doanh nghiệp trên địa bàn các tỉnh Bắc Kạn, Thái Nguyên, thành phố Hà Nội, Bắc Ninh, Lạng Sơn, Thái Bình, Hải Phòng, Hưng Yên và thành phố Hồ Chí Minh. Trong đó Cơ quan điều tra đã tiến hành làm việc với người đại diện của 67 Công ty, 11 Công ty không hoạt động tại địa chỉ đăng ký với cơ quan thuế và người đại diện theo pháp luật không đăng ký hộ khẩu thường trú hoặc tạm trú tại địa phương, 05 công ty không có người đến làm việc theo giấy triệu tập của cơ quan điều tra.

Đối với 65 công ty, trừ công ty MT và Chi nhánh công ty cổ phần E tại Thái Nguyên, đại diện công ty đều khai nhận có mua hàng hóa, dịch vụ với các công ty của V và công ty TT, đồng thời cung cấp các tài liệu chứng minh, như: Hợp đồng mua bán, phiếu nhập kho hàng hóa, bảng kê chi tiết.... Kết thúc điều tra không đủ cơ sở kết luận hành vi trốn thuế của các công ty này.

Đối với Chi nhánh công ty cổ phần E tại Thái Nguyên: Số tiền trốn thuế theo kết luận giám định của Cục thuế tỉnh Thái Nguyên là 33.600.000đ (*Ba mươi ba triệu, sáu trăm nghìn đồng*). Số tiền trốn thuế trên chưa đủ căn cứ để xử lý hình sự đối với các cá nhân liên quan. Cơ quan điều tra đã chuyển hồ sơ, tài liệu liên quan của Chi nhánh công ty cổ phần E đến Cục thuế tỉnh Thái Nguyên để xem xét xử lý theo quy định.

Đối với 11 Công ty không hoạt động tại địa chỉ đăng ký với cơ quan thuế và người đại diện theo pháp luật không đăng ký Hộ khẩu thường trú hoặc tạm trú tại địa phương và 05 công ty không có người đại diện đến làm việc theo giấy triệu tập, Cơ quan điều tra đã tách ra để tiếp tục xác minh, điều tra làm rõ sau.

2. Hành vi mua trái phép hóa đơn của Nguyễn Thị Thanh V:

Để hợp thức hóa việc xuất bán hóa đơn không, Nguyễn Thị Thanh V tìm mua hóa đơn tại khu vực các cảng của thành phố Hải Phòng và thông qua các đối tượng môi giới để mua hóa đơn đầu vào cho 04 công ty của V với giá từ 2,8% - 3,5%/ giá trị của hàng hóa, dịch vụ trước thuế. Sau đó, V bán ra với giá 3% - 3,7%/ giá trị của hàng hóa, dịch vụ trước thuế, thu lợi khoảng 0,2% trên giá trị của hàng hóa, dịch vụ trước thuế.

Đối với những người môi giới đã bán hóa đơn cho Nguyễn Thị Thanh V. Do V không biết họ tên, địa chỉ của các đối tượng này, nên Cơ quan điều tra không có căn cứ xử lý.

Đối với các công ty đã bán hóa đơn cho Nguyễn Thị Thanh V, Cơ quan điều tra đã T hành điều tra, xác minh và xác định 04 công ty do V điều hành đã kê khai hóa đơn GTGT, hàng hóa - dịch vụ đầu vào từ các công ty trên địa bàn thành phố Hà Nội, Hải Phòng, cụ thể: Có 06 công ty bán hàng hóa, dịch vụ cho Công ty TNHH Lương Phúc Bắc Kạn và có 02 công ty bán hàng hóa, dịch vụ cho Công ty TNHH Bình Khánh Bắc Kạn. Tuy nhiên, 08 công ty đã bán hàng hóa, dịch vụ đầu vào cho V nêu trên do không có trụ sở công ty tại địa chỉ đăng ký kinh doanh; người đại diện công ty vắng mặt tại địa phương hoặc không xác định được ở đâu hoặc không biết về hoạt động của các công ty này, nên Cơ quan điều tra đã tách ra để tiếp tục xác minh và xem xét xử lý sau.

3. Hành vi phạm tội của Hoàng Thị T1:

Hoàng Thị T1 trực tiếp nhận hóa đơn hàng hóa mua vào và bán ra của 04 công ty từ Nguyễn Thị Thanh V để thực hiện công việc kế toán cho các công ty này. V và T1 thỏa thuận số tiền lương của T1 là 8.000.000đ/tháng. Ngoài ra, T1 còn là Giám đốc của công ty TNHH thương mại và dịch vụ TT (Gọi tắt là công ty TT). Khi được thuê làm kế toán T1 biết 04 công ty V lập ra nhằm mục đích mua bán trái phép hóa đơn, V là người trực tiếp điều hành mọi hoạt động của các công ty này. Sau khi nhận hóa đơn từ V, T1 giao toàn bộ hóa đơn chứng từ cho Nguyễn Thị Ngọc Y, là kế toán của công ty TT để thực hiện hạch toán. Một số hóa đơn được T1 giao cho Y viết nội dung, T1 còn chỉ đạo Y rút tiền từ các công ty nói trên ra để đưa lại cho T1. Do là người làm thuê cho T1 nên Y chỉ thực hiện các công việc do T1 chỉ đạo và không biết về hành vi mua bán trái phép hóa đơn của V và T1. T1 đã xuất bán nhiều hóa đơn cho các công ty ở địa bàn tỉnh Thái Nguyên khi có khách mua yêu cầu, T1 không nhớ đã bán ra cho những ai và cụ thể là công ty nào vì số lượng bán ra nhiều. Tiền bán hóa đơn những người mua tự thanh toán với V hoặc đưa tiền cho T1 để T1 đưa lại cho V.

Trong số 1.600 hóa đơn giá trị gia tăng, công ty TT của T1 đã mua 42 hóa đơn GTGT từ 03 công ty Lương Phúc, Loan Hà và Thỏa Giang với giá 3,5% giá trị hàng hóa, dịch vụ chưa có thuế ghi trên hóa đơn. Tuy nhiên, T1 không phải trả tiền cho V vì số tiền này được V và T1 thỏa thuận sẽ tính vào tiền lương T1 làm kế toán và sử dụng để nộp thuế cho các công ty của V. Tổng số 42 số hóa đơn với tiền hàng hóa, dịch vụ chưa tính thuế là 10.958.727.270đ (*Mười tỷ, chín trăm năm mươi tám triệu, bảy trăm hai mươi bảy nghìn, hai trăm bảy mươi đồng*), giá bán là $10.958.727.270 \times 3,5\% = 383.555.454\text{đ}$ (*Ba trăm tám mươi ba triệu, năm trăm*

năm mươi năm nghìn, bốn trăm năm mươi tư đồng). Trong đó, số tiền lương được V trả cho hàng tháng là 8.000.000đ x 42 tháng (từ tháng 8/2014 đến hết tháng 1/2018) = 336.000.000đ (*Ba trăm ba mươi sáu triệu đồng*), số còn lại: 383.555.454đ - 336.000.000đ = 47.555.454đ (*Bốn mươi bảy triệu, năm trăm năm mươi năm nghìn, bốn trăm năm mươi tư đồng*) T1 đã sử dụng để nộp thuế cho các công ty của V.

Từ 42 số hóa đơn làm đầu vào này, công ty TT đã bán ra 85 số hóa đơn cho nhiều doanh nghiệp ở Hà Nội, Thái Nguyên, Lạng Sơn, Bắc Giang (và một số doanh nghiệp khác T1 không nhớ) với tổng số tiền hàng hóa dịch vụ trước thuế là 10.354.380.595đ, (có bảng thống kê các công ty đầu ra của công ty TT kèm theo). Trong 85 số hóa đơn này, với hóa đơn ghi tên hàng hóa là dầu, mỡ nhờn T1 bán với giá 2,5% trên giá trị hàng hóa, dịch vụ chưa có thuế, với hóa đơn dịch vụ và hàng hóa khác, T1 bán ra với giá 5% trên giá trị hàng hóa, dịch vụ chưa có thuế. Tổng số tiền T1 được hưởng lợi từ việc mua bán hóa đơn là: 450.615.330đ trừ đi số tiền T1 sử dụng để nộp thuế cho các công ty của V là 47.555.454đ. Thực tế T1 được hưởng lợi số tiền 403.059.876đ (*Bốn trăm linh ba triệu, không trăm năm mươi chín nghìn, tám trăm bảy mươi sáu đồng*).

4. Hành vi trốn thuế của Ngô Văn T2 và Đỗ Thị Thanh T3 tại Công ty TNHH xây dựng và kỹ thuật MT.

Công ty TNHH xây dựng và kỹ thuật MT (Gọi tắt là công ty MT) có địa chỉ tại: xóm C, xã D, huyện YP, tỉnh Bắc Ninh do Ngô Văn T2, sinh năm 1982, trú cùng địa chỉ như trên làm giám đốc. Quá trình điều tra xác định: Năm 2015 T2 thành lập công ty MT, quá trình hoạt động công ty MT thi công lắp đặt điện tại khu công nghiệp Đ, huyện PB, tỉnh Thái Nguyên. T2 đã bàn bạc và yêu cầu kế toán của công ty là Đỗ Thị Thanh T3 tìm mua hóa đơn GTGT để hợp thức hóa các khoản chi phí. Trong tháng 12/2015 và tháng 3/2016, T3 đã trực tiếp mua 06 hóa đơn GTGT không từ Công ty Lương Phúc. Các hóa đơn được mua với giá 10% giá trị của hàng hóa, dịch vụ chưa có thuế. Tổng cộng 06 hóa đơn không của Công ty TNHH Lương Phúc Bắc Kạn có giá là 18.000.000đ x 06 hóa đơn = 108.000.000đ, thuế VAT = 10.800.000 đ. Ngô Văn T2 đã đưa cho T3 số tiền 10.800.000 đ (*Mười triệu tám trăm nghìn đồng*) để mua 06 hóa đơn trên. Đến tháng 02/2017, Công ty MT thi công lắp đặt hệ thống điện của nhà máy Samsung Display Việt Nam tại Khu công nghiệp YP, Bắc Ninh. Quá trình thi công, T2 tiếp tục bàn bạc và yêu cầu Đỗ Thị Thanh T3 mua hóa đơn không. Sau đó, T3 đã trực tiếp mua 02 hóa đơn của Công ty Loan Hà với với giá từ 7% - 8% giá trị của hàng hóa chưa có thuế. Tổng giá trị của 02 hóa đơn chưa có thuế là 1.549.383.500 đ, thuế VAT = 154.938.350 đ. T2 đã đưa cho T3 số tiền khoảng hơn 100.000.000đ (*Một trăm triệu đồng*) để mua 02 hóa đơn nêu trên. Để hợp thức hóa việc giao dịch, mua bán hàng hóa dịch vụ, T2 đã giao cho T3 hoàn thiện các thủ tục như ký hợp đồng kinh tế, chuyển khoản thanh toán tiền hàng...cho Công ty Lương Phúc và Loan Hà.

Tại Kết luận ngày 13/8/2018, Cục thuế tỉnh Bắc Ninh xác định số tiền trốn thuế của công ty MT là 165.738.350đ (*Một trăm sáu mươi lăm triệu, bảy trăm ba mươi tám nghìn, ba trăm năm mươi đồng*).

Trong quá trình giải quyết vụ án, các Công ty đã giao nộp liên 2 bản gốc cho Cơ quan điều tra đề nghị được trả lại tài liệu này để thực hiện chính sách thuế với Nhà nước.

Ngày 14 và 15/3/2019 Nguyễn Thị Thanh V đã nộp số tiền 90.000.000 đồng (*Chín mươi triệu đồng*) và ngày 15/3/2019 Hoàng Thị T1 đã nộp số tiền 20.000.000 đồng (*Hai mươi triệu đồng*) tại Cục Thi hành án dân sự tỉnh Bắc Kạn.

Trong ngày mở phiên tòa 29/3/2019, bị cáo Hoàng Thị T1 tiếp tục nộp số tiền 50.000.000 đồng (*Năm mươi triệu đồng*) tại Cục Thi hành án dân sự tỉnh Bắc Kạn.

Tại Bản cáo trạng số 01/CT-VKS-P1 ngày 16/12/2018 của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bắc Kạn đã truy tố Nguyễn Thị Thanh V, Hoàng Thị T1 về tội “*Mua bán trái phép hóa đơn, chứng từ thu nộp ngân sách Nhà nước*” quy định tại các Điều d, đ Khoản 2 Điều 203/BLHS 2015; Truy tố Ngô Văn T2, Đỗ Thị Thanh T3 về tội “*Trốn thuế*” quy định tại Khoản 1 Điều 161/BLHS 1999.

Điều 161 BLHS 1999. Tội trốn thuế có nội dung:

“1. Người nào trốn thuế với số tiền từ một trăm triệu đồng đến dưới ba trăm triệu đồng hoặc dưới một trăm triệu đồng nhưng đã bị xử phạt hành chính về hành vi trốn thuế hoặc đã bị kết án về tội này hoặc về một trong các tội quy định tại các điều 153, 154, 155, 156, 157, 158, 159, 160, 164, 193, 194, 195, 196, 230, 232, 233, 236 và 238 của Bộ luật này, chưa được xóa án tích mà còn vi phạm, thì bị phạt tiền từ một lần đến năm lần số tiền trốn thuế hoặc phạt cải tạo không giam giữ đến hai năm.

.....

4. Người phạm tội còn có thể bị phạt tiền từ một lần đến ba lần số tiền trốn thuế”.

Điều 203 BLHS 2015. Tội in, phát hành, mua bán trái phép hóa đơn, chứng từ thu nộp ngân sách Nhà nước có nội dung:

“ 1. Người nào in, phát hành, mua bán trái phép hóa đơn, chứng từ thu nộp ngân sách nhà nước ở dạng phôi từ 50 số đến dưới 100 số hoặc hóa đơn, chứng từ đã ghi nội dung từ 10 số đến dưới 30 số hoặc thu lợi bất chính từ 30.000.000 đồng đến dưới 100.000.000 đồng, thì bị phạt tiền từ 50.000.000 đồng đến 200.000.000 đồng, phạt cải tạo không giam giữ đến 03 năm hoặc phạt tù từ 06 tháng đến 03 năm.

2. Phạm tội thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt tiền từ 200.000.000 đồng đến 500.000.000 đồng hoặc phạt tù từ 01 năm đến 05 năm:

....

d) Hóa đơn, chứng từ ở dạng phôi từ 100 số trở lên hoặc hóa đơn, chứng từ đã ghi nội dung từ 30 số trở lên;

đ) Thu lợi bất chính 100.000.000 đồng trở lên;

3. Người phạm tội còn có thể bị phạt tiền từ 10.000.000 đồng đến 50.000.000 đồng, cấm đảm nhiệm chức vụ, cấm hành nghề hoặc làm công việc nhất định từ 01 năm đến 05 năm ...”.

Tại phiên tòa, Đại diện Viện kiểm sát vẫn giữ nguyên quan điểm truy tố đối với các bị cáo về tội danh và điều khoản như đã viện dẫn ở trên đồng thời đề nghị hướng xử lý như sau:

Về hình phạt: Áp dụng hình phạt tiền là hình phạt chính đối với các bị cáo Nguyễn Thị Thanh V, Hoàng Thị T1, Ngô Văn T2 và Đỗ Thị Thanh T3. Cụ thể: Phạt tiền bị cáo V từ 450.000.000 đồng đến 500.000.000 đồng; phạt tiền bị cáo T1 từ 350.000.000 đồng đến 400.000.000 đồng; phạt tiền bị cáo T2 từ 300.000.000 đồng; phạt tiền bị cáo T3 165.000.000 đồng.

Về xử lý vật chứng: Lưu theo hồ sơ vụ án 1600 hóa đơn GTGT liên 2 bản gốc; các hóa đơn, tài liệu Hoàng Thị T1 giao nộp cho cơ quan điều tra; 02 quyển vở học sinh và 29 chiếc phong bì bên ngoài đề “Công ty TNHH Lương Phúc Bắc Kạn - xã Lương Hạ, huyện Na Rì, tỉnh Bắc Kạn – điện thoại 0969 501 888”. Tịch thu hóa giá sung công quỹ Nhà nước 01 máy tính xách tay và 01 case máy tính của Hoàng Thị T1; 01 điện thoại di động của Nguyễn Thị Thanh V. Trả lại 01 ổ cứng máy tính; 02 giấy chứng minh nhân dân; 02 (hai) thẻ tài khoản ngân hàng; 01 thẻ bảo hiểm y tế; 01 ví da nữ trả lại cho bị cáo Nguyễn Thị Thanh V. Trả lại 01 đăng ký mô tô, xe máy cho Phạm Thị C. Tạm giữ toàn bộ số tiền các bị cáo Nguyễn Thị Thanh V, Hoàng Thị T1 và Ngô Văn T2 đã nộp trong giai đoạn điều tra, truy tố và xét xử để thi hành án cho các bị cáo. Buộc các bị cáo V, T1 phải nộp lại số tiền thu lợi bất chính do phạm tội mà có và bị cáo T2 phải nộp lại số tiền đã trốn thuế để sung quỹ Nhà nước.

Về án phí: Các bị cáo phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

Trong quá trình điều tra và tại phiên tòa hôm nay các bị cáo đã thành khẩn khai nhận hành vi phạm tội của mình, thừa nhận Cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bắc Kạn truy tố bị cáo về tội danh và điều luật như trên là đúng người, đúng tội đúng quy định của pháp luật. Các bị cáo chỉ đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Điều tra viên, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố, xét xử đảm bảo đúng trình tự thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, các bị cáo và những người tham gia tố tụng khác không ai có ý kiến hoặc khiếu nại gì về hành vi, quyết định của những người trên. Đối với bị cáo Nguyễn Thị Thanh V được xác định là bị bệnh hạn chế khả năng điều khiển hành vi thuộc trường hợp được chỉ định người bào chữa theo quy định tại Điều 76 BLTTHS. Cơ quan điều tra đã yêu cầu Đoàn luật sư tỉnh Bắc Kạn cử Luật sư bào chữa cho bị cáo, đồng thời người nhà của bị cáo cũng mời luật sư. Tuy nhiên, bị cáo V khẳng định đủ khả năng tự bào chữa và

từ chối người bào chữa. Xét thấy, việc bị cáo từ chối người bào chữa là quyền luật định của bị cáo. Do đó, Hội đồng xét xử vẫn tiến hành xét xử vụ án theo quy định.

[2] Tại phiên tòa, các bị cáo đã thành khẩn khai nhận hành vi phạm tội; Lời khai nhận của các bị cáo phù hợp với nhau, phù hợp với lời khai của những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan và các tài liệu, chứng cứ thu thập được trong quá trình điều tra, đủ cơ sở khẳng định:

Bị cáo Nguyễn Thị Thanh V từ năm 2013 đến năm 2017 đã thành lập 05 công ty gồm: Công ty Lương Phúc; Công ty Bình Khánh, Công ty Thỏa Giang, Công ty Loan Hà và Công ty Hữu Đô trên địa bàn tỉnh Bắc Kạn. Sau khi thành lập, công ty Hữu Đô không hoạt động. V trực tiếp điều hành 04 công ty còn lại với mục đích mua bán trái phép hóa đơn để kiếm lời. Cụ thể: Để hợp thức hóa việc xuất bán hóa đơn không, V đã tìm mua hóa đơn đầu vào tại các cảng của thành phố Hải Phòng. Trong tổng số 3500 hóa đơn GTGT được in và phát hành của 04 công ty nói trên thì có 2590 hóa đơn được V bán cho các công ty ở các tỉnh, thành phố trong cả nước. V thừa nhận các hóa đơn đều là hóa đơn không, không có hàng hóa, dịch vụ kèm theo. Do không thu giữ được số hóa đơn GTGT liên 2 bản gốc còn lại nên xác định 1.600 hóa đơn GTGT liên 2 bản gốc đã thu được là số hóa đơn Nguyễn Thị Thanh V đã mua bán trái phép. Từ 1.600 hóa đơn GTGT đã bán ra, V thu lợi bất chính số tiền là 1.025.969.654đ (*Một tỷ, không trăm hai mươi lăm triệu, chín trăm sáu mươi chín nghìn, sáu trăm năm mươi tư đồng*).

Bị cáo Hoàng Thị T1 trong thời gian được Nguyễn Thị Thanh V thuê làm kế toán, T1 biết 04 công ty V lập ra nhằm mục đích mua bán hóa đơn và V trực tiếp điều hành mọi hoạt động của các công ty này, song T1 vẫn nhận lời thực hiện các công việc kế toán cho công ty của V. T1 đã thực hiện việc hạch toán hóa đơn cho 04 công ty của V với tổng số hóa đơn là 1.600 hóa đơn. Với tư cách là Giám đốc công ty TT, T1 đã có hành vi mua 42 số hóa đơn trong số 1.600 hóa đơn từ các Công ty của V, để làm đầu vào cho công ty của T1 và bán trái phép 85 số hóa đơn cho các công ty khác để hưởng lợi tổng số tiền là 403.059.876 đ (*Bốn trăm linh ba triệu, không trăm năm mươi chín nghìn, tám trăm bảy mươi sáu đồng*).

Bị cáo Ngô Văn T2 với tư cách là Giám đốc công ty TNHH xây dựng và kỹ thuật MT, trong khoảng thời gian từ tháng 12/2015 đến tháng 02/2017, để hợp thức hóa số hàng hóa, dịch vụ mua vào không có hóa đơn, T2 đã bàn bạc và chỉ đạo Đỗ Thị Thanh T3 là kế toán mua tổng cộng 08 hóa đơn không từ Công ty Lương Phúc và Công ty Loan Hà để trốn thuế với số tiền là 165.738.350đ (*Một trăm sáu mươi lăm triệu, bảy trăm ba mươi tám nghìn, ba trăm năm mươi đồng*).

Bị cáo Đỗ Thị Thanh T3 là kế toán của Công ty MT, theo sự chỉ đạo của Ngô Văn T2, T3 đã tìm và trực tiếp mua 08 hóa đơn không của Công ty Lương Phúc và Công ty Loan Hà từ Hoàng Thị T1. T3 biết việc mua hóa đơn để làm chi phí đầu vào khấu trừ thuế GTGT và thu nhập doanh nghiệp cho Công ty MT là vi phạm pháp luật song T3 vẫn thực hiện theo yêu cầu của Ngô Văn T2. Bản thân T3 không được hưởng lợi gì từ hành vi phạm tội trên.

Với những hành vi đã nêu, các bị cáo Nguyễn Thị Thanh V, Hoàng Thị T1 đã phạm vào tội “*Mua bán trái phép hóa đơn, chứng từ thu nộp Ngân sách Nhà*

nước” theo quy định tại điểm d, đ Khoản 2 Điều 203 BLHS 2015; các bị cáo Ngô Văn T2, Đỗ Thị Thanh T3 đã phạm vào tội “Trốn thuế” theo quy định tại Khoản 1 Điều 161 BLHS 1999. Việc Viện kiểm sát truy tố đối với các bị cáo Nguyễn Thị Thanh V và Hoàng Thị T1 theo Khoản 2 Điều 203 BLHS 2015 là đúng với quy định của Nghị quyết số 41/2017/QH14 ngày 20/6/2017 của Quốc hội. Vì hình phạt của Khoản 2 Điều 164a BLHS 1999 có mức hình phạt từ 01 đến 05 năm tù là nặng so với Khoản 2 Điều 203 Bộ luật hình sự 2015 quy định hình phạt tiền từ 200 triệu đồng đến 500 triệu đồng hoặc phạt tù từ 01 đến 05 năm. Các bị cáo đều nhận thức rõ được hành vi phạm tội của mình, biết rõ hành vi mình thực hiện là vi phạm pháp luật, tuy nhiên vẫn cố ý thực hiện hành vi phạm tội. Do đó, việc truy tố, xét xử đối với các bị cáo theo tội danh, điều khoản đã nêu là đúng người, đúng tội, đúng quy định của pháp luật. Hành vi của các bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, xâm phạm đến chế độ quản lý thuế, quản lý hóa đơn, chứng từ của Nhà nước, xâm phạm đến hoạt động quản lý thu, chi ngân sách Nhà nước dẫn đến thất thu ngân sách, gây thiệt hại cho Nhà nước, ảnh hưởng xấu đến an ninh trật tự tại địa phương.

[3] Xét nhân thân, tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự cho các bị cáo:

1. Bị cáo Nguyễn Thị Thanh V có nhân thân tốt, chưa có tiền án, tiền sự. Tại phiên tòa, thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải về hành vi phạm tội. Bản thân bị cáo là người bị bệnh theo kết luận giám định số 177/KLGD ngày 06/6/2018 của Viện pháp y tâm thần trung ương kết luận: Bị cáo đủ khả năng nhận thức, hạn chế khả năng điều khiển hành vi (bệnh có mã số G40.6 theo phân loại bệnh quốc tế lần thứ 10 năm 1992); Quá trình điều tra, bị cáo đã tự nguyện nộp khoản tiền 50.000.000đ (*Năm mươi triệu đồng*) để khắc phục hậu quả do hành vi phạm tội gây ra; Trong quá trình chuẩn bị xét xử, liên tiếp trong hai ngày 14 và 15/3/2019 bị cáo tiếp tục nộp thêm tổng số tiền 90.000.000 đồng khắc phục hậu quả càng thể hiện sự ăn năn hối cải của bị cáo. Bị cáo có bố đẻ là ông Nguyễn Đình T được Nhà nước tặng thưởng Huân chương kháng chiến chống Mỹ cứu nước. Do đó, bị cáo được hưởng các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại các điểm b, n và p khoản 1, khoản 2 Điều 46 BLHS 1999. Bị cáo phải chịu 01 tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự là “Phạm tội nhiều lần” quy định tại điểm g khoản 1 Điều 48 BLHS 1999.

2. Bị cáo Hoàng Thị T1 có nhân thân tốt, chưa có tiền án, tiền sự. Tại phiên tòa, thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải về hành vi phạm tội; Quá trình điều tra, đã tự nguyện nộp khoản tiền 20.000.000đ (*Hai mươi triệu đồng*) để khắc phục hậu quả do hành vi phạm tội gây ra; giai đoạn chuẩn bị xét xử và tại phiên tòa bị cáo tiếp tục nộp thêm 70.000.000 đồng (*Bảy mươi triệu đồng*); Bên cạnh đó, bị cáo còn tích cực phối hợp với Cơ quan điều tra và Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bắc Kạn để làm rõ hành vi phạm tội của mình và của các bị cáo khác trong vụ án, nên được Cơ quan điều tra và Viện kiểm sát xác nhận được hưởng tình tiết giảm nhẹ “*Tích cực giúp đỡ các cơ quan có trách nhiệm phát hiện, điều tra tội phạm*” (Bút lục 43 – tập 36); Bị cáo có ông nội là Hoàng Văn P được Chủ tịch nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam tặng Huy chương kháng chiến hạng nhất vì

đã có thành tích trong cuộc kháng chiến chống Mỹ cứu nước. Do đó, bị cáo được hưởng các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự tại các điểm b, p và q khoản 1, khoản 2 Điều 46 BLHS 1999. Bị cáo phải chịu 01 tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự là “Phạm tội nhiều lần” quy định tại điểm g khoản 1 Điều 48 BLHS 1999.

3. Bị cáo Ngô Văn T2 có nhân thân tốt, chưa có tiền án, tiền sự. Tại phiên tòa, thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải về hành vi phạm tội; Quá trình điều tra, đã tự nguyện nộp khoản tiền 50.000.000đ (*Năm mươi triệu đồng*) để khắc phục hậu quả do hành vi phạm tội gây ra; Hành vi phạm tội của bị cáo là phạm tội lần đầu thuộc trường hợp ít nghiêm trọng. Do đó, bị cáo được hưởng các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự theo quy định tại các điểm b, h và p khoản 1 Điều 46 BLHS 1999. Bị cáo không phải chịu tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự.

4. Bị cáo Đỗ Thị Thanh T3 có nhân thân tốt, chưa có tiền án, tiền sự. Tại phiên tòa, thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải về hành vi phạm tội của mình; Hành vi phạm tội của bị cáo là phạm tội lần đầu thuộc trường hợp ít nghiêm trọng. Do đó, bị cáo được hưởng các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm h và p khoản 1 Điều 46 BLHS 1999. Bị cáo không phải chịu tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự.

Xét vai trò, mức độ chịu trách nhiệm hình sự của từng bị cáo trong vụ án thấy rằng: Bị cáo Nguyễn Thị Thanh V giữ vai trò đầu vụ, là người đã thành lập ra các công ty và khởi xướng việc mua bán trái phép hóa đơn nên V phải chịu trách nhiệm chính. Bị cáo Hoàng Thị T1 là người giúp sức tích cực cho bị cáo V đối với việc mua bán trái phép 1.600 hóa đơn cho các doanh nghiệp. Do đó, bị cáo T1 phải chịu trách nhiệm hình sự cùng với bị cáo V về 1600 hóa đơn đã mua bán trái phép với vai trò là người giúp sức. Ngoài ra, T1 còn phải chịu trách nhiệm hình sự thêm đối với hành vi trực tiếp mua 42 hóa đơn không từ các công ty của V và xuất bán 85 hóa đơn cho các công ty, doanh nghiệp khác. Đối với hành vi trốn thuế, Ngô Văn T2 là người đã yêu cầu và chỉ đạo Đỗ Thị Thanh T3 đi mua hóa đơn không nhằm trốn thuế cho công ty của mình, do đó phải chịu trách nhiệm chính; T3 giữ vai trò là người giúp sức tích cực, thực hiện các công việc theo sự chỉ đạo của T2, nên phải chịu trách nhiệm hình sự về hành vi trốn thuế. T3 là người làm thuê, không được hưởng lợi gì từ hành vi phạm tội nên khi lượng hình, mức hình phạt đối với bị cáo T3 sẽ được xem xét.

Tại phiên tòa ngày hôm nay, trong phần Luận tội đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bắc Kạn đề nghị áp dụng hình phạt tiền là hình phạt chính đối với các bị cáo trong vụ án. Hội đồng xét xử, thấy rằng:

Bị cáo Nguyễn Thị Thanh V có nhân thân tốt, chưa có tiền án, tiền sự, có nơi cư trú ổn định, rõ ràng, được hưởng nhiều tình tiết giảm nhẹ. Bị cáo phạm tội “*Mua bán trái phép hóa đơn, chứng từ thu nộp Ngân sách Nhà nước*” theo quy định tại điểm d, đ Khoản 2 Điều 203 BLHS 2015. Quy định điều khoản này đã cho phép áp dụng hình phạt tiền là hình phạt chính, trong khi quy định đối với hành vi này ở BLHS 1999 là không có. Điều đó, cho thấy chính sách pháp luật hình sự đã có xu hướng tăng cường áp dụng hình phạt tiền để nhằm thu lại khoản tiền đã gây thất thoát cho Nhà nước; bị cáo V và các bị cáo khác trong vụ án

phạm tội trong lĩnh vực kinh tế, mục đích duy nhất của các bị cáo là thu lợi bất chính. Do vậy, trong trường hợp này áp dụng hình phạt tiền là hình phạt chính sẽ tạo ra ưu thế hơn các loại hình phạt khác trong xác định hiệu quả của hình phạt; đặc biệt bị cáo V là người bị bệnh “*Hạn chế khả năng điều khiển hành vi*”, việc áp dụng hình phạt tù trong trường hợp này sẽ gặp khó khăn trong quá trình thi hành án và thu hồi số tiền thu lợi bất chính của bị cáo; trong quá trình điều tra, truy tố và xét xử, bị cáo V và các bị cáo khác đã tích cực nộp tiền để khắc phục hậu quả. Tại phiên tòa ngày hôm nay, các bị cáo sau khi nghe nội dung luận tội đều cam kết sẽ thi hành ngay nếu bị phạt tiền, đại diện hợp pháp của bị cáo V cũng khẳng định gia đình sẽ cùng bị cáo thực hiện nghĩa vụ kinh tế. Xác định, bị cáo có khả năng để thi hành quyết định nếu áp dụng hình phạt tiền. Qua phân tích ở trên, xét thấy đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân là có căn cứ, được Hội đồng xét xử chấp nhận. Do đó, không nhất thiết cách ly bị cáo ra khỏi xã hội mà áp dụng hình phạt tiền để bị cáo có cơ hội thực hiện nộp lại các khoản tiền cho ngân sách Nhà nước cũng là phù hợp và đủ sức răn đe.

Bị cáo Hoàng Thị T1 có nhân thân tốt, chưa có tiền án, tiền sự, có nơi cư trú ổn định, rõ ràng, được hưởng nhiều tình tiết giảm nhẹ. Bị cáo là người giúp sức tích cực cho bị cáo Nguyễn Thị Thanh V. Với nhận định như trường hợp của bị cáo V, thấy rằng áp dụng hình phạt chính là hình phạt tiền cũng đủ tác dụng để giáo dục, cải tạo đối với bị cáo và răn đe phòng ngừa chung. Tuy nhiên, do vai trò đồng phạm của bị cáo trong vụ án, nên khi quyết định mức hình phạt Hội đồng xét xử sẽ xem xét cụ thể.

Bị cáo Ngô Văn T2 và bị cáo Đỗ Thị Thanh T3 có nhân thân tốt, chưa có tiền án, tiền sự, được hưởng nhiều tình tiết giảm nhẹ. Do đó, áp dụng hình phạt tiền đối với các bị cáo là phù hợp quy định của pháp luật. Tuy nhiên, đối với bị cáo T3 là đồng phạm của bị cáo T2 với vai trò là người giúp sức, bị cáo phạm tội trong hoàn cảnh là người làm thuê, không được hưởng lợi từ việc phạm tội. Do vậy, cần áp dụng quy định của điều 47 BLHS 1999 quyết định hình phạt dưới mức thấp nhất của khung.

[4] Về vật chứng: Một quyển vở học sinh bên ngoài có ghi dòng chữ “Lương Phúc”, một quyển vở học sinh bên ngoài có ghi dòng chữ “Hải Hà BK” và 29 chiếc phong bì bên ngoài đề “Công ty TNHH Lương Phúc Bắc Kạn - xã Lương Hạ, huyện Na Rì, tỉnh Bắc Kạn – điện thoại 0969 501 888”. Xét thấy, là vật chứng của vụ án cần lưu theo hồ sơ. Một máy tính xách tay và một case máy tính của Hoàng Thị T1, một điện thoại di động nhãn hiệu “NOKIA” của Nguyễn Thị Thanh V xác định là P tiền phạm tội, cần tịch thu hóa giá sung công quỹ Nhà nước. Một ổ cứng máy tính; hai giấy chứng minh nhân dân, hai thẻ tài khoản ngân hàng AGRIBANK và một thẻ bảo hiểm y tế mang tên Nguyễn Thị Thanh V; một ví da nữ xác định không liên quan đến việc phạm tội, cần trả lại cho bị cáo V. Một đăng ký mô tô mang tên Phạm Thị C, xác định không liên quan đến vụ án, nên cần trả lại cho Phạm Thị C. Tạm giữ toàn bộ số tiền các bị cáo Nguyễn Thị Thanh V, Hoàng Thị T1 và Ngô Văn T2 đã nộp trong giai đoạn điều tra, truy tố và xét xử và số tiền 10.600.000 đồng tạm giữ khi khám xét chỗ ở của bị cáo V, để đảm bảo thi hành án cho các bị cáo. Buộc các bị cáo V và T1 phải nộp lại số tiền thu lợi bất chính

do phạm tội mà có và bị cáo T2 phải nộp lại số tiền đã trốn thuế để sung quỹ Nhà nước.

[5] Về việc xử lý các đối tượng liên quan khác:

1. Đối với các Công ty đã giao nộp liên 2 bản gốc đề nghị được trả lại tài liệu này để thực hiện chính sách thuế với Nhà nước. Hội đồng xét xử xét thấy, các tài liệu trên là chứng cứ của vụ án, liên quan đến giám định tư pháp và buộc tội các bị cáo. Do vậy, yêu cầu trả lại các tài liệu trên không được chấp nhận.

2. Đối với Chi nhánh công ty cổ phần E tại Thái Nguyên: Quá trình điều tra xác định Đỗ Thị Thanh T3, là kế toán của Chi nhánh công ty đã mua 07 hóa đơn của Công ty Lương Phúc. Các hóa đơn được T3 mua với giá 10% giá trị hàng hóa, dịch vụ chưa có thuế, tổng số 07 hóa đơn có giá: $16.000.000 \text{ đ} \times 07 = 112.000.000 \text{ đ}$, thuế VAT = $11.200.000 \text{ đ}$. Số tiền sử dụng để mua hóa đơn là $11.200.000 \text{ đ}$ (*Mười một triệu, hai trăm nghìn đồng*). Kết luận giám định của Cục thuế tỉnh Thái Nguyên xác định số tiền trốn thuế của Chi nhánh công ty cổ phần E tại Thái Nguyên là $33.600.000 \text{ đ}$ (*Ba mươi ba triệu, sáu trăm nghìn đồng*). Số tiền trốn thuế trên chưa đủ căn cứ để xử lý hình sự đối với các cá nhân liên quan. Cơ quan điều tra đã chuyển hồ sơ, tài liệu liên quan của Chi nhánh công ty cổ phần E đến Cục thuế tỉnh Thái Nguyên để xem xét xử lý là đúng theo quy định của pháp luật.

3. Đối với những công ty kê khai hàng hóa, dịch vụ đầu vào cho các công ty của Nguyễn Thị Thanh V: Qua xác minh, các công ty đều không hoạt động tại địa phương chỉ đăng ký với cơ quan thuế, người đại diện theo pháp luật của một số công ty khai nhận được thuê ký một số giấy tờ để thành lập công ty hoặc có trường hợp bị mất chứng minh nhân dân, họ không biết về hoạt động của các công ty này. Một số người đại diện theo pháp luật không có mặt tại địa phương, không xác định được địa chỉ, công việc, nên chưa làm rõ được hành vi của các đối tượng liên quan. Cơ quan điều tra tách ra tiếp tục điều tra, xác minh là phù hợp quy định của pháp luật.

4. Đối với Nguyễn Thị Ngọc Y, sinh năm 1990, là Kế toán của công ty TT. Y là người làm thuê cho Hoàng Thị T1 và thực hiện công việc từ sự chỉ đạo trực tiếp của T1, Y không biết hành vi mua bán trái phép hóa đơn của T1 và V. Cơ quan điều tra không xem xét xử lý trách nhiệm hình sự đối với Nguyễn Thị Ngọc Y là có căn cứ.

5. Đối với Nguyễn Thị N, sinh năm 1987 là Kế toán của Công ty sản xuất giấy và bao bì PĐ. Vào khoảng cuối năm 2016, trong thời gian Hoàng Thị T1 nghỉ sinh con, Nguyễn Thị Thanh V có thuê N làm kế toán. Quá trình N làm kế toán, V không nói cho N và N cũng không biết những hóa đơn này có hàng hóa kèm theo hay không và không biết V sử dụng để phạm tội. Do vậy, Cơ quan điều tra không xem xét xử lý trách nhiệm hình sự đối với Nguyễn Thị N là có căn cứ.

6. Đối với Đỗ Như B, sinh năm 1987, nơi ĐKKHKT: khu I, thị trấn T, huyện TL, thành phố HP là người đại diện theo pháp luật của Công ty Bình Khánh. Hiện Bình không có mặt tại địa phương, không xác định được B đang ở đâu. Cơ quan điều tra đã tách ra để tiếp tục tiến hành điều tra và xử lý sau là đúng quy định.

7. Đối với Nguyễn Thị G, sinh năm 1987, nơi ĐKKHKT: Đội 7, xã Đ, huyện T, tỉnh Vĩnh Phúc là người đại diện theo pháp luật của Công ty Thỏa Giang. Giang không biết việc V sử dụng chứng minh nhân dân của mình để thành lập công ty Thỏa Giang và không biết về hoạt động của công ty này, nên Cơ quan điều tra không xem xét xử lý đối với Nguyễn Thị G là có căn cứ.

8. Đối với Hà Thị L, sinh năm 1961, nơi ĐKKHKT: tổ K, phường H, thành phố BK, tỉnh Bắc Kạn là người đại diện theo pháp luật của Công ty Loan Hà và Nông Văn H, sinh năm 1983, nơi ĐKKHKT: Thôn N, xã V, huyện BT, tỉnh Bắc Kạn là người đại diện theo pháp luật của Công ty Hữu Đô. Qua điều tra xác định Hà Thị L và Nông Văn H bị mất chứng minh nhân dân và không biết về việc mình đứng tên thành lập các công ty Loan Hà và Hữu Đô, cũng không biết về hoạt động của các công ty này. Vì vậy, Cơ quan điều tra không xem xét xử lý với L và H là đúng quy định.

9. Đối với Nguyễn Đình T4, sinh năm 1983, là Phó trưởng phòng thanh tra thuế, Cục thuế tỉnh Bắc Kạn. Quá trình điều tra Nguyễn Thị Thanh V khai nhận quen biết T4, hàng tháng V đưa cho T4 số tiền 4.000.000đ để T4 đưa cho các phòng, ban thuộc Cục thuế tỉnh Bắc Kạn để giúp các công ty do V thành lập và điều hành hoạt động kinh doanh được thuận lợi. Vào tháng 5 và tháng 6 năm 2016, khi Chi cục thuế quận HM, thành phố Hà Nội 02 lần có công văn đề nghị Cục thuế tỉnh Bắc Kạn phối hợp xác minh làm rõ nguồn gốc hàng hóa của Công ty Lương Phúc và Công ty Bình Khánh. V đã chuyển khoản cho T4 02 lần với tổng số tiền 120.000.000đ (*Một trăm hai mươi triệu đồng*) để giúp 02 công ty của V không bị xác minh. Cơ quan điều tra đã cho Nguyễn Thị Thanh V và Nguyễn Đình T4 tiến hành đối chất, kết quả T4 chỉ thừa nhận quen biết và có việc mua bán nhà và đất với V; T4 không thừa nhận được nhận số tiền 120.000.000đ từ V trong xác minh vụ việc theo đề nghị của Chi cục thuế quận HM; không nhận số tiền 4.000.000 đ hàng tháng để đưa cho các phòng, ban thuộc Cục thuế tỉnh Bắc Kạn; không biết mối liên hệ giữa V với các công ty Bình Khánh, Loan Hà, Thỏa Giang; không biết về hành vi mua bán trái phép hóa đơn, chứng từ thu nộp ngân sách nhà nước của Nguyễn Thị Thanh V ...và không có tài liệu khác chứng minh lời khai của V. Kết thúc điều tra, không đủ cơ sở xác định Nguyễn Đình T4 đã nhận tiền hoặc lợi ích khác từ Nguyễn Thị Thanh V là có căn cứ.

10. Đối với Nguyễn Thị H, là cán bộ phòng Đăng ký kinh doanh, Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Bắc Kạn, đã tiếp nhận, xử lý hồ sơ đăng ký doanh nghiệp và trả kết quả cho các công ty do V thành lập và điều hành đã để xảy ra các sai phạm như: Trả giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp cho người không phải là đại diện theo pháp luật của công ty khi người này không có giấy ủy quyền của doanh nghiệp; để xảy ra việc doanh nghiệp thông báo về việc sử dụng mẫu con dấu trước ngày được cấp mẫu dấu; không thực hiện thường xuyên việc định kỳ hàng tháng gửi thông tin về các doanh nghiệp thành lập, thay đổi đăng ký doanh nghiệp cho Ủy ban nhân dân cấp huyện nơi doanh nghiệp đặt trụ sở chính theo quy định. Hành vi của Nguyễn Thị H đã vi phạm quy định về quy trình công tác của Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Bắc Kạn. Vì vậy, Cơ quan điều tra không xem xét xử trách nhiệm hình sự với H là đúng quy định.

11. Đối với Dương Văn T5: là Trưởng phòng Đăng ký kinh doanh, Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Bắc Kạn: quá trình điều tra không đủ tài liệu khẳng định T5 được nhận tiền từ Nguyễn Thị Thanh V trong việc thành lập các Công ty Lương Phúc, Bình Khánh và Thỏa Giang như lời khai của V. Đối với những sai phạm của Nguyễn Thị H trong tiếp nhận, xử lý và trả kết quả cho các công ty của V, Dương Văn T5 nhận thấy bản thân có một phần thiếu trách nhiệm, chưa sát sao trong kiểm tra, giám sát việc thực hiện chức năng, nhiệm vụ của cán bộ Phòng Đăng ký kinh doanh. Cơ quan điều tra không xem xét trách nhiệm hình sự với Dương Văn T5 là có căn cứ.

12. Khi xác minh nguồn gốc hàng hóa của Công ty Lương Phúc và Công ty Bình Khánh theo yêu cầu của Chi cục thuế quận HM, thành phố Hà Nội. Nguyễn Thùy L và Nông Thị Hồng C là cán bộ Cục Thuế tỉnh Bắc Kạn để xảy ra sai phạm khi không kiểm tra, xác định người đến nhận thông báo về giải trình nghĩa vụ kê khai thuế của công ty Lương Phúc và Bình Khánh có phải đại diện của công ty hay không. Biên bản được lập với người không phải đại diện của 02 công ty nói trên là không hợp pháp. Lời giải trình ghi trong biên bản không phải của người nộp thuế cũng như không phải của cán bộ và lãnh đạo phòng Kiểm tra thuế trực tiếp làm việc và xác nhận. Sai phạm trên trách nhiệm chính thuộc về Nông Thị Hồng C và có phần trách nhiệm của trưởng phòng Kiểm tra thuế Nguyễn Thùy L. Xác định đây là sai phạm trong quy trình công tác của ngành Thuế, Cơ quan điều tra không xem xét trách nhiệm hình sự là phù hợp quy định của pháp luật.

13. Đối với 1.900 hóa đơn giá trị gia tăng của 4 Công ty Lương Phúc, Bình Khánh, Loan Hà và Thỏa Giang đã phát hành nhưng thất lạc, không thu giữ được. Cơ quan điều tra tách ra tiếp tục xác minh, thu thập và xử lý khi đủ căn cứ là đúng quy định của pháp luật.

[6] Về án phí: Các bị cáo phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Tuyên bố các bị cáo Nguyễn Thị Thanh V và Hoàng Thị T1 phạm tội “*Mua bán trái phép hóa đơn, chứng từ thu nộp Ngân sách Nhà nước*”; các bị cáo Ngô Văn T2 và Đỗ Thị Thanh T3 phạm tội “*Trốn thuế*”.

- Áp dụng điểm d, đ khoản 2 Điều 203; Điều 35; khoản 3 Điều 7 BLHS 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017; điểm b, n và p khoản 1, khoản 2 Điều 46; điểm g khoản 1 Điều 48 BLHS năm 1999; Nghị quyết 41/2017/QH14 ngày 20 tháng 6 năm 2017 của Quốc hội:

Xử phạt bị cáo Nguyễn Thị Thanh V 500.000.000đ (Năm trăm triệu đồng).

- Áp dụng điểm d, đ khoản 2 Điều 203; Điều 35; khoản 3 Điều 7 BLHS 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017; điểm b, p và q khoản 1, khoản 2 Điều 46; điểm g khoản 1 Điều 48 BLHS năm 1999; Nghị quyết 41/2017/QH14 ngày 20 tháng 6 năm 2017 của Quốc hội:

Xử phạt bị cáo Hoàng Thị T1 400.000.000đ (Bốn trăm triệu đồng).

- Áp dụng khoản 1 Điều 161; Điều 30; điểm b, h và p khoản 1 Điều 46 BLHS 1999.

Xử phạt bị cáo Ngô Văn T2 200.000.000đ (Hai trăm triệu đồng).

- Áp dụng khoản 1 Điều 161; Điều 30; Điểm h và p khoản 1 Điều 46; Điều 47 BLHS 1999.

Xử phạt bị cáo Đỗ Thị Thanh T3 50.000.000đ (Năm mươi triệu đồng).

2. Vật chứng: Áp dụng Điều 41 BLHS 1999; Điều 106 BLTTHS 2015:

- Chuyển theo hồ sơ vụ án một quyển vở học sinh bên ngoài có ghi dòng chữ “Lương Phúc” bên trong thể hiện nội dung mua bán và có đóng một dấu đỏ; một quyển vở học sinh bên ngoài có ghi dòng chữ “Hải Hà BK” bên trong thể hiện nội dung mua bán; 29 (Hai mươi chín) chiếc phong bì bên ngoài đề “Công ty TNHH Lương Phúc Bắc Kạn - xã Lương Hạ, huyện Na Rì, tỉnh Bắc Kạn – điện thoại 0969 501 888.

- Tịch thu hóa giá sung công quỹ Nhà nước một máy tính xách tay màu đen, nhãn hiệu Acer màu đen cũ, đã qua sử dụng và một case máy tính nhãn hiệu vicom cũ, đã qua sử dụng của Hoàng Thị T1; một điện thoại di động nhãn hiệu “NOKIA” màu bạc đã qua sử dụng của Nguyễn Thị Thanh V.

- Trả lại cho bị cáo Nguyễn Thị Thanh V một ổ cứng máy tính có nhãn hiệu “Seagate Bannacuda 7200.10 160 Gbytes” cũ, đã qua sử dụng; một ví da nữ nhãn hiệu “PRADA MILANO” màu nâu cũ đã qua sử dụng; hai giấy chứng minh nhân dân, hai thẻ tài khoản ngân hàng AGRIBANK màu xanh và một thẻ bảo hiểm y tế đều mang tên Nguyễn Thị Thanh V.

- Trả lại cho chị Phạm Thị C một đăng ký mô tô, xe máy mang tên Phạm Thị C.

- Tạm giữ số tiền 50.000.000đ (Năm mươi triệu đồng) của Nguyễn Thị Thanh V, 20.000.000đ (Hai mươi triệu đồng) của Hoàng Thị T1 và 50.000.000đ (Năm mươi triệu đồng) của Ngô Văn T2 nộp tại giai đoạn điều tra để thi hành án cho các bị cáo.

- Tạm giữ số tiền 10.600.000đ (Mười triệu sáu trăm nghìn đồng) của Nguyễn Thị Thanh V khi khám xét chỗ ở để thi hành án cho bị cáo V.

- Tạm giữ số tiền 50.000.000đ (Năm mươi triệu đồng) theo biên lai số 01931 ngày 14/3/2019 và 40.000.000đ (Bốn mươi triệu đồng) theo biên lai số 01932 ngày 15/3/2019 của Nguyễn Thị Thanh V nộp tại Cục thi hành án dân sự tỉnh Bắc Kạn để đảm bảo thi hành án cho bị cáo V.

- Tạm giữ số tiền 20.000.000đ (Hai mươi triệu đồng) theo biên lai số 01933 ngày 15/3/2019 và 50.000.000đ (Năm mươi triệu đồng) theo biên lai số 01935 ngày 29/3/2019 của Hoàng Thị T1 nộp tại Cục thi hành án dân sự tỉnh Bắc Kạn để đảm bảo thi hành án cho bị cáo T1.

- Buộc các bị cáo Nguyễn Thị Thanh V, Hoàng Thị T1 phải nộp lại số tiền thu lợi bất chính do phạm tội mà có để sung quỹ Nhà nước. Cụ thể: Nguyễn Thị

Thanh V phải nộp lại số tiền 1.025.969.654đ (*Một tỷ không trăm hai mươi năm triệu, chín trăm sáu mươi chín nghìn, sáu trăm năm mươi tư đồng*) và Hoàng Thị T1 phải nộp lại số tiền 403.059.876 đ (*Bốn trăm linh ba triệu, không trăm năm mươi chín nghìn, tám trăm bảy mươi sáu đồng*).

- Buộc bị cáo Ngô Văn T2 phải nộp lại số tiền đã trốn thuế là 165.738.350đ (*Một trăm sáu mươi lăm triệu, bảy trăm ba mươi tám nghìn, ba trăm năm mươi đồng*) để sung quỹ Nhà nước.

(*Tình trạng, số lượng vật chứng theo như biên bản giao nhận vật chứng ngày 19 tháng 12 năm 2018 giữa Công an tỉnh Bắc Kạn và Cục thi hành án dân sự tỉnh Bắc Kạn*).

3. Án phí:

Căn cứ vào Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí và lệ phí Tòa án.

Các bị cáo Nguyễn Thị Thanh V, Hoàng Thị T1, Ngô Văn T2 và Đỗ Thị Thanh T3 mỗi người phải chịu 200.000đ (*Hai trăm nghìn đồng*) án phí hình sự sơ thẩm.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật thi hành án dân sự.

4. Quyền kháng cáo:

Án xử công khai sơ thẩm, các bị cáo, người đại diện hợp pháp của bị cáo, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có mặt có quyền kháng cáo trong hạn mười lăm ngày kể từ ngày tuyên án; Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt có quyền kháng cáo trong hạn mười lăm ngày kể từ ngày nhận được bản án sao hoặc niêm yết bản án.

Nơi nhận:

- TAND cấp cao tại Hà Nội;
- VKSND Cấp cao tại Hà Nội;
- VKSND tỉnh;
- Phòng Hồ sơ CA tỉnh;
- Cục THADS tỉnh;
- Sở Tư pháp;
- THAHS;
- Người tham gia tố tụng;
- Lưu HS;
- Lưu.

**T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN- CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ**

Nguyễn Khánh Phương

